

Số: /GPMT-UBND

Bình Sơn, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1818/BQLDDCN-BDDHDA2 đề ngày 04/11/2023 kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trường THPT Lê Quý Đôn - Xây dựng khối phòng học, nhà bộ môn và các hạng mục phụ trợ.

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 761/TTr-TNMT ngày 30/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ tại số 504 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trường THPT Lê Quý Đôn - Xây dựng khối phòng học, nhà bộ môn và các hạng mục phụ trợ, địa chỉ tại số 183 Trần Công Hiến, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Trường THPT Lê Quý Đôn - Xây dựng khối phòng học, nhà bộ môn và các hạng mục phụ trợ

1.2. Địa điểm hoạt động: số 183 Trần Công Hiến, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 567/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 06/7/2021; Quyết định số 1011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 25/9/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và Quyết định

số 345/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 12/5/2021 về việc phân khai kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách địa phương.

1.4. Mã số thuế: 4300788438

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trường Trung học phổ thông.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích của dự án: 12.778,2m².

- Quy mô đầu tư: Dự án thuộc nhóm C có tổng mức đầu tư 14.500.000.000 đồng (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô xây dựng:

+ Xây dựng mới dãy nhà phòng học 15 phòng: Thiết kế công trình cao 03 tầng kết hợp khu vệ sinh với diện tích xây dựng khoảng 656 m²; diện tích sàn khoảng 2.027 m².

+ Cải tạo Khối phòng học bộ môn 02 tầng phía Bắc (với diện tích sàn khoảng 1.085 m²): Cải tạo một số phòng thành phòng y tế, phòng hoạt động đoàn và các phòng bộ môn để đáp ứng yêu cầu sử dụng; tháo dỡ, xây mới một số tầng cho phù hợp với công năng sử dụng; Giữ nguyên kết cấu công trình chỉ cải tạo mặt đứng cho phù hợp với kiến trúc các công trình lân cận.

+ Nhà xe học sinh: Với diện tích khoảng 145,6 m²; Thiết kế móng trụ bằng BTCT đá 1x2 cấp bền B15; trụ bằng thép ống, liên kết chân trụ với móng bằng 4 bu lông M16; hệ giằng cột bằng thép hộp 30x30x1.2mm; mái lợp tole dày 4mm trên hệ xà gồ thép hộp 50x100x2.0mm; nền đổ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 150mm.

+ Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống ống thu gom toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của trường; thiết kế ống nhựa PVC đường kính Φ160 chôn ngầm dưới nền đất; toàn bộ nước thải được lọc qua bể tự hoại 5 ngăn trước khi được dẫn xả thải ra tuyến thoát nước chung phía đông và nằm ngoài khuôn viên khu đất.

+ Sân vườn nội bộ:

- Di dời một số cây xanh hiện trạng và trồng lại ở vị trí mới.

- Sân lát gạch terrazzo (400x400x30)mm với diện tích khoảng 811m²; Kết cấu sân bằng bê tông đá 1x2 mác 150 dày trung bình 70mm, cán lớp vữa xi măng mác 75 dày 20 trước khi lát gạch.

- Sân bê tông khu vực nhà đa năng với diện tích khoảng 461m²; sử dụng bê tông đá 1x2 mác 200 chiều dày trung bình 100mm.

+ Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy kết hợp báo cháy tự động.

+ Bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy và nhà đặt máy bơm: Thiết kế bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy có hình dạng chữ nhật kích thước (5,2x13,6)m; kết cấu bằng bê tông cốt thép chịu lực, sử dụng bê tông đá 1x2, cấp bền B15, cốt

thép sử dụng mác CB240-T, CB300-V, CB400-V. Thiết kế nhà đặt máy bơm nằm trên bề nước ngầm có kích thước (3,0x3,3)m, chiều cao 3,9 so với cos mặt bể.

+ Thiết bị: Đầu tư thiết bị cho phần xây dựng như thiết bị phòng cháy chữa cháy và một số thiết bị khác.

- Công suất của dự án: Sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ đáp ứng nhu cầu học tập và làm việc cho 86 giáo viên, người lao động và 1.300 học sinh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký).

Điều 4: Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Châu Ô tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- BQL DA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh Quảng Ngãi;
- VP HĐND&UBND: CVP, PCVP, TNMT;
- Lưu VT, Website.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Văn Dụng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12
năm 2023 của UBND huyện Bình Sơn)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn nước phát sinh nước thải: từ hoạt động sinh hoạt của 86 cán bộ, giáo viên, người lao động và 1.300 học sinh với tổng lưu lượng nước thải là 6,93 m³/ngày đêm, gồm 06 nguồn phát sinh nước thải tại các bể tự hoại ba ngăn của các khu nhà vệ sinh:

STT	Nguồn thải	Vị trí nguồn phát sinh	Tọa độ
1	Nguồn số 1	Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhà vệ sinh giáo viên	X=1679316; Y=548189
2	Nguồn số 2	Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhà vệ sinh 2 tầng phía Bắc	X=1679308; Y=548207
3	Nguồn số 3	Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhà vệ sinh phía Nam	X=1679290; Y=548202
4	Nguồn số 4	Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhà vệ sinh phía Bắc khu nhà đa năng	X=1679286; Y=548235
5	Nguồn số 5	Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhà vệ sinh phía Nam khu nhà đa năng	X=1679275; Y=548231
6	Nguồn số 6	Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại nhà vệ sinh khối nhà 3 tầng (xây mới).	X=1679294; Y=548199

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải: 1 dòng; nước thải sau xử lý tại bể tự hoại 5 ngăn cải tiến Bastaf thể tích 39m³; và thoát vào mương thoát nước

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước tuyến đường hiện hữu phía Đông Trường THPT Lê Quý Đôn, thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Vị trí xả nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Nước thải sau bể tự hoại 5 ngăn cải tiến Bastaf, sẽ được bơm về hố ga sau bể tự hoại, khử trùng và thoát ra mương thoát nước trên

đường hiện hữu phía Đông Trường THPT Lê Quý Đôn, thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Tọa độ vị trí xả thải: X= 1679288; Y= 548225 (hồ ga) theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰, múi chiều 3⁰

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 6,93 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm và tự chảy nổi vào ống thoát PVC D160 chảy vào mương thoát nước

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Không liên tục (6-8 giờ/1 lần).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nổi vào mương thoát nước trên đường hiện hữu phía Đông Trường THPT Lê Quý Đôn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2, Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Sulfua (Tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000	

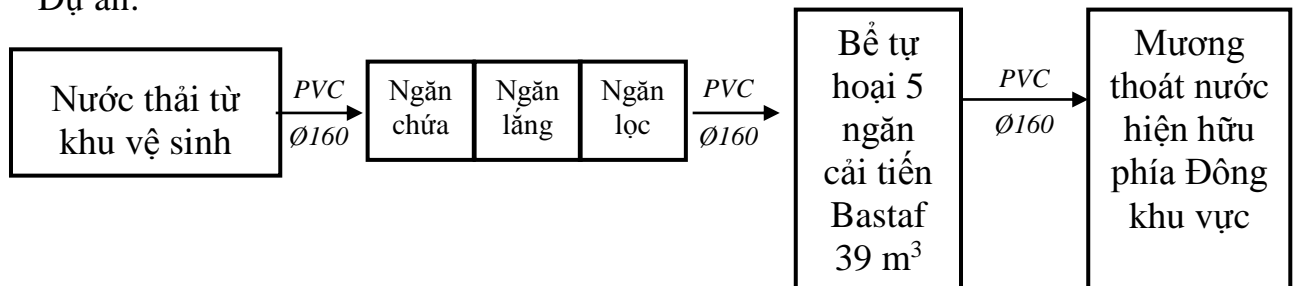
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh → thu gom bằng hệ thống ống PVC Ø160 → Bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ → đưa về Bể tự hoại 05 ngăn cải tiến Bastaf có thể tích 39 m³ để xử lý.

- Sơ đồ công trình thu gom nước thải sinh hoạt từ các nguồn phát sinh của Dự án:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra của dự án, Chủ đầu tư sẽ xây dựng bể xử lý nước thải 5 ngăn cải tiến, nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 trước khi đầu nối vào mương thoát nước hiện hữu phía Đông của trường THPT Lê Quý Đôn.

Quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh tại dự án → bể tự 3 ngăn → hệ thống thu gom → ngăn chứa – lắng → lắng – lên men kỵ khí → lọc kỵ khí → khử trùng → mương thoát nước hiện hữu nằm ở phía Đông của trường THPT Lê Quý Đôn, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Công suất thiết kế: 6,93 m³/ngày đêm. Thể tích bể xử lý nước thải 5 ngăn cải tiến: 39 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine 90% (dạng viên nén khoảng 1 viên/ngày).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc

đối tượng phải quan trắc tự động liên tục theo khoản 2, Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình xây dựng, vận hành.

- Đối với bể xử lý nước thải sinh hoạt khi bị sự cố, Chủ dự án phải chủ động phối hợp với đơn vị thi công tiến hành kiểm tra, xác định khâu xảy ra sự cố, bể/thiết bị xử lý không hiệu quả và nhanh chóng khắc phục tại vị trí sự cố ngay lập tức.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Theo Điểm d Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì công trình xử lý chất thải của dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị... để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi nước thải sau xử lý không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

Phụ lục 2**NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Bình Sơn)

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng các quy chuẩn, quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị... để thường xuyên kiểm tra, theo dõi các vấn đề phát sinh có liên quan

Phụ lục 3
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Bình Sơn)

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Tiếng ồn, độ rung của dự án phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú	Quy chuẩn so sánh
1	55	45	Khu vực đặc biệt	QCVN 26:2010/BTNMT
2	70	55	Khu vực thông thường	
3	85		-	QCVN 24:2016/BYT

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú	Quy chuẩn so sánh
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	60	55	Khu vực đặc biệt	QCVN 27:2010/BTNMT
2	70	60	Khu vực thông thường	

2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tạo cảnh quan cây xanh trong khu vực để điều hòa vi khí hậu và hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Tiến hành trồng các cây xanh theo đúng Quy hoạch xây dựng được duyệt. Các loại cây xanh được lựa chọn chủ yếu là các loại cây bản địa, cây cảnh, hoa, rể cọc,... hạn chế và không sử dụng các cây ngoại lai, có nguồn gốc không rõ ràng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại điểm 1 của Phụ lục này.

3.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

3.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.4. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12
năm 2023 của UBND huyện Bình Sơn)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Đơn vị	Số lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	kg/năm	1
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	kg/năm	1
Tổng						2 kg/năm
3	Axit thải	16 01 02	Lỏng	NH	lít/năm	2
4	Kiểm thải	16 01 03	Lỏng	NH	lít/năm	2
5	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất từ phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	19 05 02	Lỏng	KS	lít/năm	5
Tổng						9 lít/năm

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt của giai đoạn này là 40 kg/ngày. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu như sau:

+ *Chất thải có nguồn gốc hữu cơ như:* thực phẩm, dầu mỡ, thức ăn thừa...

+ *Chất thải rắn vô cơ:* bao bì các loại, sành sứ thủy tinh, polymer, bao bì đựng thức ăn, hộp nhựa... Loại chất thải này khó phân hủy và nếu không được thu gom, xử lý hợp lý sẽ gây mất mỹ quan đô thị và ô nhiễm môi trường.

1.3. Bùn thải từ bể tự hoại ba ngăn và bể tự hoại 5 ngăn cải tiến Bastaf của bể xử lý nước thải làm bằng bê tông, cốt thép có nắp đậy; thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa riêng biệt, bao nilong có màu sắc khác nhau đối với từng dạng rắn, lỏng cho từng loại chất thải riêng biệt.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 4m² đặt gần nhà xe phía Tây Nam của trường. Công tác quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại được thực hiện đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 5 lít, 120 lít.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí tại các nhà vệ sinh sau đó đưa về khu tập kết rác sinh hoạt gần nhà xe phía Tây Nam của trường.

- Tổ chức tuyên truyền yêu cầu học sinh thực hiện phân loại rác thải tại nguồn.

- Đối với các chất thải có khả năng tái chế như giấy vụn, chai nhựa, lon nước,...thu gom bỏ vào thùng chứa, lưu trữ và bán phế liệu. Chất thải khác hợp đồng với Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama thu gom và xử lý theo quy định

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

- Thiết bị lưu chứa: Ngăn lửng của bể tự hoại, được thiết kế bê tông cốt thép, có nắp đậy kiên cố.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải, sự cố cháy nổ và đảm bảo an toàn cho người lao động.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Bình Sơn)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.
